TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 4 – 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Điểu Phương
2. Ông Tạ Đình Thành

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 2 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vy Thị Phương L, sinh năm: 1988
Bị đơn: Anh Trương Quang D, sinh năm: 1986
Cùng HKTT: Khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vy Thị Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 02/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên. Chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu Tòa án nhân dân Thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một người con chung tên Trương Quang Chí B, sinh ngày 24/10/2013. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Quang D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của anh D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D và yêu cầu được giải quyết về con chung khi ly hôn. Do đó, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2013. Do vậy, hôn nhân giữa chị L và anh D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L và anh D chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện anh D theo công trình xây dựng đi làm ăn xa, vợ chồng không còn sự quan tâm đến nhau nữa. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần để hòa giải đoàn tụ với chị L nhưng anh D vẫn không đến Tòa làm việc, điều này chứng tỏ anh D không có thiện chí muốn hòa giải, xây dựng gia đình hạnh phúc với chị L. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn với anh D.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi anh D chị L sống ly thân cháu B do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng cháu vẫn được chăm sóc tốt. Đồng thời, chị L có công việc, nguồn thu nhập và nơi ở ổn định, anh D đi làm xa con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng được đi học đầy đủ và chăm sóc tốt. Do vậy, để đảm B cho việc nuôi dưỡng con chung cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Quang Chí B, sinh ngày 24/10/2013 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vy Thị Phương L được ly hôn với anh Trương Quang D.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Quang Chí B, sinh ngày 24/10/2013 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Vy Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0008057 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường Sơn Giang, TX Phước Long, T. BP (số 24 ngày 02/8/2013);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tịnh